

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-PT

Ngày: 19-6-2019

V/v “Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: “Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 73/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 522/TB-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Đỗ Đức Q, sinh năm: 1971; bà Hoàng Thị T1, sinh năm: 1972; cùng cư trú tại thôn A, xã Y, huyện X, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Bị đơn:

1. Vợ chồng ông Phạm Văn M, sinh năm: 1954, bà Nguyễn Thị X1, sinh năm: 1956; ông M có đơn xin xét xử vắng mặt, bà X1 vắng mặt.

2. Bà Đồng Thị M1, sinh năm: 1978, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1978, vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn M2, sinh năm: 1984, vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm: 1980, có mặt.

6. Bà Phạm Thị T2, sinh năm: 1978, vắng mặt.

7. Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm: 1973, vắng mặt.

8. Ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1989, có mặt.

Cùng cư trú tại thôn B, xã Z, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn M, sinh năm: 195 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời trình bày các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 thì:

Vợ chồng ông, bà sử dụng thửa đất số 237, 243 tờ bản đồ số 11 tại thôn A, xã Y, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sử dụng đất thì vợ chồng ông, bà có xây một bức tường bằng đá, gạch dài 11m, rộng 0,45m, cao 1,1m để phơi cà phê, kích thước hàng đá được ghi nhận trong biên bản làm việc của địa chính Ủy ban nhân dân xã Y lập ngày 16/9/2014. Đến ngày 18/10/2014, vợ chồng ông M, bà X1, bà M1, ông N, ông M2, bà D, ông T3, bà T2, ông Đ1 đã đến nhà ông, bà đập phá. Đến ngày 08/11/2014, đồng bị đơn là vợ chồng ông M, bà X1, bà M1, ông N, ông M2, bà D, ông T3, bà T2, ông Đ1 đến phá lần hai, việc này có sự chứng kiến của ông Phạm Văn Thắm, cán bộ tư pháp xã Z, huyện X. Sau đó, vợ chồng ông, bà tiếp tục làm lại bờ tường. Đến ngày 08/11/2014, vợ chồng ông M, bà X1, bà M1, ông M2, bà T2 tiếp tục phá hủy bức tường đã xây lại. Sự việc diễn ra có công an đến lập biên bản, Công an huyện có Quyết định không khởi tố vụ án. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông M, bà X1, bà M1, ông N, ông M2, bà D, ông T3, bà T2, ông Đ1 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho vợ chồng ông, bà 3.436.000đ là số tiền thiệt hại của ông bà đã bỏ ra xây bức tường mà vợ chồng ông M, bà X1, bà M1, ông N, ông M2, bà D, ông T3, bà T2, ông Đ1 đã cùng tham gia phá hỏng hoàn toàn.

- Theo ông Phạm Văn M trình bày thì ông có đất vườn cà phê tại thôn A, xã Y, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình canh tác vườn cà phê ông sử dụng đường liên xóm tại thôn A có chiều rộng là 03m để đi vào vườn canh tác. Đến tháng 10/2014, vợ chồng ông Q, bà T1 tự ý tháo dỡ bờ đá và xếp lán ra đường đi liên xóm làm cho chiều rộng của con đường chỉ còn 2,5m làm xe ô tô tải chở phân không đi qua được làm ảnh hưởng đến việc canh tác cà phê của các hộ dân ở đây. Ông có sang thương lượng với gia đình ông Q, bà T1 yêu cầu tháo dỡ bờ đá xếp vào phía trong để trả lại hiện trạng con đường có chiều rộng là 3m như trước đây nhưng ông Q, bà T1 không thực hiện, còn chửi bới ông. Sau khi thương lượng không thành, ông có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Y, huyện X giải quyết buộc vợ chồng ông Q, bà T1 trả lại hiện trạng con đường đi nhưng cả tháng sau khi ông làm đơn thì xã mới xuống giải quyết, cấm mốc

đường trong khi trước đó vào ngày 18/10/2014, ông cùng với vợ ông là bà Nguyễn Thị X1 và các con là ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1 và bà Đồng Thị M1 là hàng xóm cùng tham gia dỡ bỏ một góc bờ tường kê đá xếp vừa gạch vừa đá lán ra đường liên xóm có chiều rộng là 20cm, cao 50-60cm (lần thứ nhất) và lần thứ hai vào một ngày trong tháng 11/2014 thì có bà Nguyễn Thị X1 và các con là ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1 và bà Đồng Thị M1 là hàng xóm cùng tham gia dỡ phần bờ đá xếp cao khoảng 90cm, chiều dài 05m do vợ chồng ông Q, bà T1 xếp lán ra đường liên xóm, lần này ông ở nhà không tham gia. Ông không tháo dỡ bức tường xếp bằng đá lần thứ ba như vợ chồng ông Q, bà T1 trình bày. Nay vợ chồng ông Q, bà T1 khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường bức tường tổng giá trị là 3.436.000đ thì ông không đồng ý vì dù ông có tham gia tháo dỡ bờ tường nhưng bờ tường là do vợ chồng ông Q, bà T1 làm lán chiếm trái phép lối đi chung nên ông không có lỗi trong việc tháo dỡ bờ tường trên.

- Bà Nguyễn Thị X1 trình bày: do ông Q lán chiếm lòng đường làm cho xe không vận chuyển hàng vào bên trong được nên bà tháo dỡ hàng đá mới xếp của nhà ông Q, nay bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Đồng Thị M1 cho rằng khi dỡ hàng bờ kê bằng đá mới phát sinh thì bà có tiến hành thu dọn đá bị rớt xuống ngoài đường do bờ kê đá mới của vợ chồng ông Q, bà T1 coi nói thêm bị rớt xuống, bà có tham gia tháo dỡ bờ đá ngoài đường làng một lần. Vì vợ chồng ông Q, bà T1 coi nói bờ kê đá mới lán ra ngoài đường đi nên ô tô chở hàng cho mọi người đi qua lại đây không được nên bà có tiến hành tháo dỡ một phần bờ kê đá mới do vợ chồng ông Q, bà T1 coi nói thêm để có đường đi lại thuận tiện qua khu vực này. Nay vợ chồng ông Q, bà T1 khởi kiện yêu cầu bà và các đồng bị đơn phải cùng có trách nhiệm bồi thường số tiền là 3.436.000đ vì đã gây thiệt hại tài sản là hàng xếp bằng đá có chiều dài là 13m, chiều rộng là 0,45m và chiều cao là 1,4m thì bà không đồng ý.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Văn M2 thì trong thực tế ông chỉ trực tiếp tham gia tháo dỡ một phần bờ kê đá mới phát sinh do vợ chồng ông Q, bà T1 coi nói thêm vào khoảng ngày 18/10/2014 để có đường đi lại thuận tiện cho người dân xung quanh và để cho các phương tiện khác đi qua lại được. Nay vợ chồng ông Q, bà T1 khởi kiện yêu cầu ông và các đồng bị đơn phải cùng có trách nhiệm bồi thường số tiền là 3.436.000đ vì đã gây thiệt hại tài sản là hàng xếp bằng đá có chiều dài là 13m, chiều rộng là 0,45m và chiều cao là 1,4m thì ông không đồng ý.

- Bà Phạm Thị Thùy D và ông Phạm Văn T3 cho biết khi sự việc tháo dỡ hàng bờ kê bằng đá mới phát sinh thì ông, bà có tiến hành thu dọn đá bị rớt

xuống ngoài đường do bờ kè đá mới của vợ chồng ông Q, bà T1 coi nói thêm bị rớt xuống, trong thực tế ông, bà chỉ cào đất cho bằng phẳng để có đường đi lại thuận tiện cho người dân xung quanh và cho các phương tiện khác đi lại được chứ không tham gia phá dỡ bờ kè đá nhà của vợ chồng ông Q, bà T1 nên ông, bà không đồng ý bồi thường.

- Bà Phạm Thị T2 thừa nhận bà có tháo dỡ bờ kè đá liên quan trong vụ án một lần, vì bờ đá này lún ra đường, ảnh hưởng đến việc đi lại sản xuất nông nghiệp của bà và các hộ dân bên trong. Nay vợ chồng ông Q, bà T1 khởi kiện yêu cầu bà và các đồng bị đơn phải cùng có trách nhiệm bồi thường số tiền là 3.436.000đ thì bà không đồng ý.

- Ông Nguyễn Văn N cho biết sự việc diễn ra ông chỉ là người chứng kiến, ông chỉ can ngăn chứ không tham gia tháo dỡ bờ tường. Do đó qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Q, bà T1 yêu cầu ông cùng ông M, bà X1, bà M1, ông M2, bà D, bà T2, ông T3, ông Đ1 phải bồi thường bức tường đá xây tổng giá trị là 3.436.000đ thì ông không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 04/2019/DS-ST ngày 22/02/2019; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” đối với các đồng bị đơn là vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1, bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3, ông Nguyễn Văn N.

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1, bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3 phải liên đới bồi thường cho vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 số tiền 3.436.000đ, trong đó chia phần cụ thể như sau: Vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1 bồi thường số tiền 916.000đ; bà Đồng Thị M1 bồi thường số tiền 420.000đ; ông Phạm Văn M2 bồi thường số tiền 420.000đ; bà Phạm Thị Thùy D bồi thường số tiền 420.000đ; bà Phạm Thị T2 bồi thường số tiền 420.000đ; ông Phạm Văn Đ1 bồi thường số tiền 420.000đ; ông Phạm Văn T3 bồi thường số tiền 420.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/02/2019 ông Phạm Văn M kháng cáo không đồng ý bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho vợ chồng ông Q, bà T1.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[01] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị Như Tuyền cho rằng vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1; bà Đồng Thị M1, ông Nguyễn Văn N, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1 có hành vi tháo dỡ bức tường ngăn lô đất của vợ chồng ông, bà đang sử dụng và đường đi dẫn đến thiệt hại nên đã yêu cầu các đồng bị đơn cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho vợ chồng ông, bà số tiền 3.436.000đ. Các đồng bị đơn không đồng ý với nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *“Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[02] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị X1, bà Đồng Thị M1, ông Nguyễn Văn N, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[03] Qua xem xét thì thấy rằng: Vợ chồng ông Q, bà T1 có xây dựng bờ tường để chắn sạt lở đất ở phần ranh giới đất của gia đình ông, bà và phần đường đi chung. Do cho rằng vợ chồng ông Q, bà T1 xây dựng đã lấn sang phần đường thuộc lối đi chung của các hộ dân nên các bên phát sinh tranh chấp và các đồng bị đơn đã tự ý tháo dỡ phần bờ kè này của nguyên đơn để trả lại nguyên trạng con đường cho các hộ dân và phương tiện cơ giới phục vụ sản xuất nông nghiệp lưu thông.

[04] Theo nội dung Công văn số 42/TB-UBND ngày 26/12/2014 thì Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện X, tỉnh Lâm Đồng thì tại thời điểm gia đình ông Q, bà T1 xây tường, kè đá thì không lấn chiếm vào con đường đi của xóm nên hành vi của các đồng bị đơn tháo dỡ bức tường này của gia đình nguyên đơn là trái pháp luật, xâm phạm trái phép tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vấn đề này đã được Công an huyện X tiến hành điều tra và xác định được người có hành vi tháo dỡ tường rào của nguyên đơn, do Công an huyện X, tỉnh Lâm Đồng xác định hành vi nói trên không phải là hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 2009, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên có Thông báo số 05 ngày 15/5/2015 không khởi tố vụ án hình sự,

hướng dẫn ông Q khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện là có căn cứ xem xét.

[05] Quá trình giải quyết vụ án, bà M1, bà D, ông T3 không thừa nhận việc trực tiếp tham gia tháo dỡ bờ kè đá của gia đình ông Q, bà T1; tuy nhiên bà M1, bà D, ông T3 thừa nhận trực tiếp thu gom đất đá, hơn nữa theo lời khai của ông M thì vào ngày 18/4/2014 có ông M cùng với vợ là bà X1, các con là ông M2, bà D, ông T3, bà T2, ông Đ1 và người hàng xóm là bà M1 có trực tiếp tháo dỡ một phần bờ kè xếp bằng đá, gạch của gia đình ông Q, bà T1; lần thứ hai vào tháng 11/2014 thì có bà X1, ông M2, bà D, ông T3, bà T2, ông Đ1 và bà M1 trực tiếp tháo dỡ bờ kè. Quá trình giải quyết vụ án thì các đồng bị đơn (con của ông M, bà X1) đều thống nhất với lời trình bày của ông M nên có cơ sở các đương sự vừa nêu có tham gia tháo dỡ bờ kè của gia đình ông Q, bà T1.

Do đó có căn cứ để xác định vợ chồng ông M, bà X1; bà M1, ông M2, bà D, bà T2, ông Đ1 và ông T3 có tham gia tháo dỡ bờ kè đá chống xói đất của gia đình ông Q, bà T1, sự việc thiệt hại xảy ra do lỗi hoàn toàn thuộc về các đồng bị đơn; cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông M, bà X1; bà M1, ông M2, bà D, bà T2, ông Đ1 và ông T3 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Q, bà T1; trong đó buộc vợ chồng ông M, bà X1 phải bồi thường với tỷ lệ cao hơn so với các đương sự còn lại do là người tham gia tích cực nhất trong việc tháo dỡ tường của nguyên đơn là phù hợp.

[06] Đối với ông Nguyễn Văn N, quá trình làm việc tại Tòa án thì ông khẳng định không tham gia vào tháo dỡ bờ kè của gia đình ông Q mà chỉ chứng kiến, can ngăn mọi người. Đồng thời tại lời khai của ông M và các đồng bị đơn khác cũng đều xác định thành phần tham gia tháo dỡ bờ kè không có tên ông N và nguyên đơn cũng không chứng minh được việc ông N có tham gia tháo dỡ bờ kè của gia đình ông Q vào năm 2014 nên không có cơ sở để buộc ông N cùng với các đồng bị đơn nói trên có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn.

[07] Đối với việc ông M và các đồng bị đơn khác cho rằng vợ chồng ông Q, bà T1 có hành vi xây dựng bờ tường lấn đi lên lối đi chung của các hộ dân, ông M xác định đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này, cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[08] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần buộc ông M phải cùng có trách nhiệm liên đới bồi cùng với bà Nguyễn Thị X1, bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3.

[09] Bên cạnh đó; Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; sự việc tranh chấp giữa các đương sự xảy ra vào năm 2014, thời

điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006); cấp sơ thẩm áp dụng căn cứ pháp lý của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là không phù hợp nên cần sửa lại phần này.

[10] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí: Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn M do hiện nay đã 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 604, 605, 606, 608 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 29, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần buộc ông M phải cùng có trách nhiệm liên đới bồi cùng với bà Nguyễn Thị X1, bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 về “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” đối với vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1; bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3, ông Nguyễn Văn N.

2. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1; bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3 phải liên đới bồi thường cho vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 số tiền 3.436.000đ (ba triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trong đó chia phần cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1 bồi thường cho vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 số tiền 916.000đ (chín trăm mười sáu nghìn đồng); bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Thùy D, bà Phạm Thị

T2, ông Phạm Văn Đ1, ông Phạm Văn T3 mỗi người bồi thường cho vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 số tiền 420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Phạm Văn M, bà Nguyễn Thị X1.

Buộc bà Đồng Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị Dương, bà Phạm Thị T2, ông Phạm Văn T3 mỗi người phải chịu 200.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Đỗ Đức Q, bà Hoàng Thị T1 được nhận lại số tiền 200.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0007084 ngày 16/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Phạm Văn M.

4. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch